

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân

Ông Võ Thành Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim N, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kim N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn N được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào đầu tháng 4 năm 2013, đến ngày 24/02/2014 chị và anh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, chị và anh N chung sống rất hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, có vài lần anh N có hành vi đánh chị

trong lúc cãi vã với nhau. Cho nên cuộc sống vợ chồng hiện nay không còn hạnh phúc và kể từ tháng 02/2019 chị và anh N sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh N có 01 người con chung tên: Ngô Quốc N, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2014, hiện cháu N đang sống chung với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Ngô Văn N.

- Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Quốc N, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2014 cho đến khi thành niên mà chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/5/2019, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngô Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Kim N. Tuy nhiên, giữa anh với chị N không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng chỉ có cãi vã thông thường, anh thừa nhận có vài lần trong lúc cãi vã với nhau thì anh có đánh chị N 01 đến 02 cái, tuy nhiên hiện nay thì anh không có hành vi đánh chị N. Giữa anh và chị N hai người đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay.

Việc chị N xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý. Vì anh còn thương vợ con và vợ chồng anh không có mâu thuẫn lớn gì.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu N đến khi thành niên mà không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim N với anh Ngô Văn N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đương sự hiện không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn với anh N.

Về con chung: Đối với cháu Ngô Quốc N, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2014, từ khi chị N và anh N sống ly thân đến nay thì chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh N, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày là không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Ngô Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp P, xã T, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện CLD thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” là đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Lê Thị Kim N đối với anh Ngô Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của chị N và anh N không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi sống chung hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh N phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu xin được ly hôn với anh N. Mặt khác, giữa chị N với anh N hai người đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2019 cho đến nay. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án anh N cũng thừa nhận có vài lần trong lúc cãi vã với chị N thì anh N có hành vi đánh

chị N. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh N.

[5] Về con chung: Đối với cháu Ngô Quốc N, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2014, từ khi chị N và anh N sống ly thân cho đến nay, chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh N, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày là không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Chị Lê Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim N được ly hôn với anh Ngô Văn N.
2. Về con chung: Chị Lê Thị Kim N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Ngô Quốc N, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2014 đến khi thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh N, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày là không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Về án phí: Chị Lê Thị Kim N phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000681, ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CLD. Như vậy, chị N đã

nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ngô Văn N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CLD;
- Chi cục THADS huyện CLD;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND xã T, H.CLD;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Đua